

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/DS-ST.

Ngày: 26-09-2022.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thị Bích Hằng

Ông Đặng Quang Hoạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Diễm- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 09 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử C khai vụ án thụ lý số 55/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 03 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 08 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 316/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 09 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Ngô Văn H**, sinh năm 1954 và bà **Ngô Thị T**, sinh năm 1963, địa chỉ: Số 146, ấp S, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. “Có mặt”

- Bị đơn: Ông **Trần Đức C**, sinh năm 1964, địa chỉ: Đường 07, ấp S, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. “Có mặt”

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1965, địa chỉ: Thôn H, ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn-ông Ngô Văn H và và Ngô Thị T trình bày:*

Ông bà và ông Trần Đức C là có quan hệ mua bán cá và cá với nhau từ lâu. Đến ngày năm 20/08/2019 thì không còn mua cá nhưng vẫn bán cá đến tháng 08/2020 thì ngưng bán cá. Việc mua bán cá và cá riêng biệt nhau. Ông bà bán cá cho ông C nếu ông C muốn mua còn ông C bán cá cho ông bà thì ông bà mua chứ không bắt buộc phải mua. Sau khi ông C không bán cá cho ông bà nữa nhưng vẫn lấy cá của ông bà. Trong quá trình mua bán, nếu ông C không trả ngay thì phải chịu lãi 0.8%/tháng trên tiền nợ cá. Còn ông bà mua cá thì trả tiền sòng phẳng hoặc nếu ông C đồng ý thì ông bà có cần trừ tiền vào tiền cá, việc cần trừ bao nhiêu là do ông C quyết định. Thông thường là cần trừ một phần, còn lại là ông C nợ lại. Do ông bà làm ăn buôn bán muốn giữ khách nên mới đồng ý tùy theo ông C quyết định việc cần trừ. Việc thỏa thuận lãi suất nợ 0.8%/tháng là thỏa thuận miệng, hai bên không làm giấy tờ.

Tính đến ngày 12/04/2020, ông C còn nợ ông bà tiền cá là 184.685.000 đồng. Ngoài ra, trong quá trình mua bán với nhau, vào cách đây khoảng 05 năm, ông C còn vay ông bà 30.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay không xác định. Lãi tiền cá (khoản nợ chốt ngày 12/04/2020) từ ngày 12/04/2020 đến ngày 17/08/2020 là 6.303.000 đồng.

Ngày 15/05/2020 đến 15/08/2020, ông C tiếp tục lấy cá của ông bà nhiều lần, mỗi lần vài bao, tổng cộng tiền nợ là 12.015.000 đồng. Do ông C không trả tiền ngay và nên phải chịu lãi là 0.8%/tháng. Do lấy cá nhiều lần, không nhớ mỗi lần bao nhiêu nên ông bà tính lãi là 0.8%/tháng, trên thời gian là 1.5 tháng, thành tiền là 144.000 đồng. Lãi tiền vay nợ 30.000.000 đồng từ 17/04/2020 đến ngày 17/08/2020 là 2.400.000 đồng.

Tổng cộng đến ngày 17/08/2020 ông C còn nợ ông bà lãi và gốc tiền cá là 205.547.000 đồng. Còn tiền 30.000.000 đồng ông bà cho ông C vay vẫn chưa trả.

Đến ngày 20/08/2020, ông C trả được cho ông bà là 63.000.000 đồng và còn nợ là 142.547.000 đồng.

Đến ngày 20/02/2021, thì ông C còn nợ ông bà là 152.989.000 đồng, gồm gốc tiền cá là 142.547.000 đồng, lãi là 10.442.000 đồng (lãi từ ngày 20/08/2020 đến ngày 17/02/2022) và 30.000.000 đồng tiền vay.

Đến ngày 4/07/2021, ông C đã trả khoản vay 30.000.000 đồng và tiền lãi của khoản vay này từ ngày 17/02/2021 đến ngày 04/07/2021 là 2.700.000 đồng.

Từ đó đến nay ông C không trả ông bà thêm khoản tiền nào nữa.

Khi chốt nợ ông bà có ghi giấy tờ và ông C xác nhận nợ, không có ý kiến gì khác.

Đối với việc ông C cho rằng ông bà nợ tiền cá là không đúng vì sau khi mỗi lần ông bà mua cá đều đã trừ nợ và thanh toán tiền cho ông C.

Tại phiên tòa, ông H, bà T thay đổi ý kiến là không yêu cầu bà N cùng có trách nhiệm trả nợ với ông C.

Nay ông bà yêu cầu ông C phải thanh toán cho ông bà số nợ là 152.989.000 đồng và tiền lãi từ ngày 20/02/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ

trên số nợ gốc tiền mua cá là 142.547.000 đồng theo lãi suất thỏa thuận là 0.8%/tháng, tạm tính đến ngày xét xử (làm tròn là 19 tháng) là 21.667.000 đồng.

** Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai theo trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn-ông Trần Đức C trình bày:*

Ông không đồng ý trả tiền vì ông H, bà T chưa trả tiền cá cho ông. Ông sẽ đồng ý trả số nợ nếu ông H, bà T trả tiền mua cá cho ông. Ông xác định ông còn nợ ông H, bà T 152.989.000 đồng tiền mua cá. Về giấy chót nợ đến ngày 17/02/2021 do ông H, bà T cung cấp thì ông xác định ông có ký vào giấy. Từ trước đến nay, giữa ông và ông H, bà T có thỏa thuận lãi suất chậm thanh toán tiền cá là 0.8%/tháng. Đối với việc ông H, bà T yêu cầu cả bà N trả nợ thì ông không đồng ý vì đây là nợ của ông, không liên quan bà N. Việc nuôi cá và thu lợi nhuận là của riêng ông vì ông và bà N ly thân từ khoảng 05 năm trước, không liên quan tài chính với nhau.

Việc ông H, bà T không thừa nhận việc nợ tiền cá thì ông cũng không ý kiến gì nữa vì trước giờ chúng ông mua bán cá chỉ tự ghi giấy chứ không không cần xác nhận của người mua cá.

** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan-bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Việc mua bán cá giữa ông C với bà T và ông H thì bà hoàn toàn không biết, bà chỉ làm nội trợ ở nhà, bà không biết các bên mua bán như thế nào và nợ tiền như thế nào. Do đó việc bà T và ông H yêu cầu bà phải có trách nhiệm trả nợ cùng ông C thì bà không đồng ý. Mặc dù bà là vợ ông C nhưng tôi hoàn toàn không biết bà T và ông H mua giá cả như thế nào và bà cũng không tham gia mua bán cùng ông C. Do đó, bà không đồng ý trả khoản nợ mà bà T và ông H yêu cầu.

** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:*

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan-bà Nguyễn Thị N không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- ông Ngô Văn H bà Ngô Thị T. Buộc ông Trần Đức C phải thanh toán cho ông Ngô Văn H bà Ngô Thị T số tiền nợ còn thiếu là 152.989.000 đồng và tiền lãi đến ngày xét xử theo lãi suất thỏa thuận là 0.8%/tháng, thành tiền là 21.667.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: ông Trần Đức C mua cá của ông Ngô Văn H và bà Ngô Thị T để nuôi cá. Tính đến ngày 20/02/2021 thì ông C còn nợ ông H, bà T là 152.989.000 đồng. Do ông C không tiếp tục thanh toán tiền nợ nên ông H, bà T khởi kiện. Vì vậy, quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do các đương sự “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” và bị đơn- ông Trần Đức C đang cư trú tại xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan-bà Nguyễn Thị N đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà N.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Theo ý kiến nguyên đơn-ông Ngô Văn H và bà Ngô Thị T xác định: tính đến ngày 20/02/2021, ông C còn nợ ông bà là 152.989.000 đồng, gồm tiền bán cá là 142.547.000 đồng, tiền lãi là 10.442.000 đồng (lãi từ ngày 20/08/2020 đến ngày 17/02/2022). Bị đơn-ông Trần Đức C cũng thừa nhận số nợ trên, xác định chữ ký và chữ viết họ tên trong giấy chốt nợ do nguyên đơn cung cấp là đúng của ông C. Do đó, có căn cứ xác định bị đơn-ông Trần Đức C còn nợ của ông Ngô Văn H và bà Ngô Thị T là 152.989.000 đồng, gồm tiền bán cá là 142.547.000 đồng, lãi là 10.442.000 đồng (lãi từ ngày 20/08/2020 đến ngày 17/02/2022).

[4.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn-ông Ngô Văn H và bà Ngô Thị T thay đổi ý kiến là không yêu cầu bà Nguyễn Thị N (là vợ của ông Trần Đức C) phải cùng chịu trách nhiệm về số nợ của ông C vì trong suốt quá trình mua bán cá thì chỉ có ông C trực tiếp giao dịch mua bán cá với bà T, ông H và bà N không biết gì về việc mua bán cá của ông C.

[4.3] Xét việc yêu cầu ông C phải tiếp tục chịu lãi từ ngày 20/02/2022 đến khi thanh toán xong trên số tiền nợ gốc tiền cá là 142.547.000 đồng từ ngày 20/02/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Cả nguyên đơn và bị đơn đề xác định các bên có thỏa thuận miệng về lãi suất chậm thanh toán tiền nợ cá là 0.8%/tháng. Mức lãi suất thỏa thuận này phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên có căn cứ chấp nhận. Cụ thể, tiền lãi từ ngày 20/02/2021 đến ngày xét xử 26/09/2022 (tính tròn 19 tháng) là $142.547.000 \text{ đồng} \times 0.8\% \times 19 \text{ tháng} = 21.667.000 \text{ đồng}$.

[4.4] Việc ông C cho rằng nguyên đơn-ông H, bà T còn nợ tiền mua cá của ông C và ông C chỉ đồng ý trả nợ nếu ông H, bà T trả nợ tiền mua cá cho ông C thì xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án giải

thích nhưng ông C không có nộp đơn yêu cầu phản tố về việc buộc ông H, bà T phải trả nợ tiền cá nên Tòa án không xem xét.

[4.5] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn-ông Trần Đức C phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn-bà Ngô Thị T và ông Ngô Văn Văn H số tiền nợ gốc là 142.547.000 đồng, số tiền nợ lãi từ ngày 20/08/2020 đến ngày 17/02/2021 là 10.442.000 đồng, số tiền nợ lãi từ 20/02/2021 đến ngày xét xử 26/09/2022 (làm tròn là 19 tháng) là 21.667.000 đồng, tổng cộng là 174.656.000 đồng.

[6] Về án phí:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn- ông Trần Đức C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể là $5\% \times 174.656.000 \text{ đồng} = 8.732.800 \text{ đồng}$.

Hoàn trả cho nguyên đơn- bà Ngô Thị T, ông Ngô Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.192.000 đồng theo biên lai thu số 0000720 ngày 11/03/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 430, 468, 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn-bà Ngô Văn H, bà Ngô Thị T về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” đối với bị đơn-ông Trần Đức C.

Xử buộc bị đơn-ông Trần Đức C phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn-bà Ngô Văn H, bà Ngô Thị T số nợ tiền gốc mua cầm là 142.547.000 đồng, số tiền nợ lãi từ ngày 20/08/2020 đến ngày 17/02/2022 là 10.442.000 đồng, số tiền nợ lãi từ 20/02/2021 đến ngày xét xử 26/09/2022 (làm tròn là 19 tháng) là 21.667.000 đồng, tổng cộng là 174.656.000 (một trăm bảy mươi tư triệu sáu trăm năm mươi sáu ngàn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất đã thỏa thuận là 0.8%/tháng tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Bị đơn -ông Trần Đức C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.732.800 (tám triệu bảy trăm ba mươi hai ngàn tám trăm) đồng.

Hoàn trả nguyên đơn- bà Ngô Thị T, ông Ngô Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.192.000 đồng theo biên lai thu số 0000720 ngày 11/03/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Ngọc Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thiện Nhơn – Lê Thị Ánh Sáng

Đào Ngọc Nam